

Bản án số: **106/2025/DS-ST**

Ngày: 30.9.2025

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Đình Thắng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tý

Ông Đặng Ngọc Thúy

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đặng Thị Minh Tâm - Cán bộ TAND Khu vực 3 - Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2025 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Q**; Trụ sở: Tầng 1 (Tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà SailingTower, số A P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tiến H, ông Nguyễn Trung H1, ông Phạm Xuân T, ông Lê Huy T1; Địa chỉ liên lạc: Số A đường Đ, phường T, thành phố Đà Nẵng. (Theo Giấy ủy quyền số 226369.24 ngày 23/10/2023; Giấy ủy quyền số 232921.24 ngày 23/10/2024, Giấy ủy quyền số 197973.25 ngày 13/7/2025); Ông T có mặt.

- Bị đơn: **Ông Cao Trần Nhân Đ**, sinh năm 1996; Trú tại: K đường T, phường A, thành phố Đà Nẵng; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13.7.2025, các bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Phạm Xuân T trình bày:*

Ngân hàng TMCP Q (V1) cấp tín dụng cho ông Cao Trần Nhân Đ, chi tiết như sau: Hợp đồng tín dụng số: 105783141.24 ngày 08/10/2024; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 105901338.24 ngày 08/10/2024; Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng); Mục đích vay: Mua xe ô tô mới tiêu dùng Toyota F, BKS 43A-911.10, theo hợp đồng mua bán xe số 2409/560 ngày 05/09/2024 ký giữa ông Cao Trần Nhân Đ và Công ty TNHH Một thành viên T2. Thời hạn vay: 96 tháng từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến 08/10/2032. Lãi suất và kỳ điều chỉnh lãi suất: Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8,50%/năm; Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là: 12.40%/năm) và chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết hạn ưu đãi nói trên, lãi suất được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,40%/năm. Thông tin về lãi suất cơ sở theo sản phẩm tại từng thời kỳ được thông báo công khai trên website của V1 và/hoặc theo hình thức thông báo khác do V1 quyết định trong từng thời kỳ.

Hoàn trả khoản tín dụng gốc: Hàng tháng, vào ngày 10. Từ ngày 10/11/2024 đến ngày 10/09/2032 với số tiền là 10.417.000 VNĐ, dư nợ gốc còn lại trả hết vào cuối kỳ. Ngày trả lãi: Vào ngày 10 hàng tháng.

Tài sản thế chấp: “xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: Fortuner, biển kiểm soát: 43A-911.10, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 43 018594 do Phòng C Công an thành phố Đ cấp ngày 03/10/2024”.

Ngày 05/11/2024 ông Cao Trần Nhân Đ có đề nghị phát hành thẻ, loại thẻ: V1 tại V1. Theo đó, V1 đã phát hành thẻ cho khách hàng Cao Trần Nhân Đ theo đúng Đề nghị phát hành thẻ ký ngày 05/11/2024; hạn mức 30.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 08/10/2024, V1 đã giải ngân cho ông Cao Trần Nhân Đ theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ (KUNN) với tổng số tiền 1.000.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của ông Cao Trần Nhân Đ và phù hợp với quy định tại HĐTD.

Trong thời gian thực hiện HĐTD, ông Cao Trần Nhân Đ đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 29/08/2025, ông Cao Trần Nhân Đ chỉ trả được tiền gốc là 62.502.000 đồng và tiền lãi là 41.755.244 đồng. Mặc dù V1 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ, nhưng ông Cao Trần Nhân Đ vẫn chây ỳ, không trả nợ. Khoản nợ của ông Đ đã chuyển sang quá hạn từ ngày 10/05/2025.

Nay, Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Cao Trần Nhân Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng dư nợ tạm tính đến ngày 30/9/2025 là: 1.022.146.135 đồng, trong đó: Nợ gốc: 937.498.000 đồng, nợ lãi: 26.186.431 đồng, nợ lãi quá hạn: 17.371.133 đồng; dư nợ thẻ tín dụng: 41.090.571 đồng gồm:

nợ gốc 28.708.000 đồng, nợ lãi 4.344.331đồng, Phạt phí chậm thanh toán 8.038.240 đồng.

Ông Cao Trần Nhân Đ còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc, nợ lãi chậm trả trên phí theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả VIB theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Kể từ ngày Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật Ông Cao Trần Nhân Đ không trả được toàn bộ khoản nợ thì VIB được tự mình hoặc có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là: “xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: Fortuner, biển kiểm soát: 43A-911.10, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 43 018594 do Phòng C Công an thành phố Đ cấp ngày 03/10/2024” theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9787744.24 ngày 08/10/2024

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả khoản nợ của Ông Cao Trần Nhân Đ với V1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Cao Trần Nhân Đ vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1.

**Bị đơn ông Cao Trần Nhân Đ, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đà Nẵng:*

- Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn là ông Cao Trần Nhân Đ đã không trình bày ý kiến của mình và vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 299, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 5 Điều 13 khoản 5 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N: Quy định về hoạt

động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn:

- Buộc ông Cao Trần Nhân Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền nợ (tạm tính đến ngày 30.9.2025) là 1.014.107.895 đồng (*Một tỷ, không trăm mười bốn triệu, một trăm lẻ bảy nghìn, tám trăm chín mươi lăm đồng*), cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số: 105783141.24 ngày 08/10/2024 tổng số tiền nợ (tạm tính đến ngày 30.9.2025) là 981.055.564 đồng (Chín trăm tám mươi một triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó: Nợ gốc: 937.498.000 đồng, nợ lãi: 26.186.431 đồng, nợ lãi quá hạn: 17.371.133 đồng.

+ Thẻ tín dụng ký ngày 05/11/2024 tổng số tiền nợ là 33.052.331 đồng (Ba mươi ba triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi một đồng); Trong đó, Nợ gốc: 28.708.000 đồng, Nợ lãi: 4.344.331 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với phí phạt chậm trả số tiền 8.038.240 đồng tại Thẻ tín dụng ký ngày 05/11/2024 của Ngân hàng TMCP Q

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm.

Kể từ ngày 01.10.2025 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi trên số nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 105783141.24 ngày 08/10/2024; Đề nghị phát hành thẻ ký ngày 05/11/2024.

Án phí dân sự: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật, Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q phải chịu án phí về phần không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục giải quyết vụ án; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP Q khởi kiện ông Cao Trần Nhân Đ, sinh năm 1996, địa chỉ: K đường T, phường A, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Đà Nẵng.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã triệu tập (niêm yết) hợp lệ nhưng bị đơn - ông Cao Trần Nhân Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ngân hàng TMCP Q có cho ông Cao Trần Nhân Đ vay vốn, thể hiện tại hai hợp đồng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số: 105783141.24 ngày 08/10/2024; Hợp đồng tín dụng số: 9787744.24 ngày 08/10/2024; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 105901338.24 ngày 08.10.2024 thì Ngân hàng TMCP Q có cho ông Cao Trần Nhân Đ vay với hạn mức: 1.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua xe ô tô mới tiêu dùng; Thời hạn vay: 96 tháng từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến 08/10/2032. Ngày 08/10/2024, Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho ông Cao Trần Nhân Đ theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ (KUNN) với tổng số tiền 1.000.000.000 đồng.

Vào ngày 05/11/2024, ông Cao Trần Nhân Đ có đề nghị phát hành thẻ tín dụng, loại thẻ: V1 ký ngày 05/11/2024 với hạn mức thẻ là 30.000.000đ tại Ngân hàng TMCP Q.

Đến thời điểm ngày 29/8/2025, ông Cao Trần Nhân Đ chỉ trả được tiền gốc là 62.502.000 đồng và tiền lãi là 41.755.244 đồng. Trong quá trình vay vốn, ông Cao Trần Nhân Đ liên tục để nợ quá hạn. Khoản nợ của ông Đ đã chuyển sang quá hạn từ ngày 10/05/2025. Ngân hàng đã yêu cầu ông Cao Trần Nhân Đ trả nợ nhưng ông Đ không hợp tác. Ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q buộc ông Cao Trần Nhân Đ phải thanh toán khoản nợ gốc và nợ lãi phát sinh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn mà Ngân hàng TMCP Q yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Hợp đồng tín dụng số: 105783141.24 ngày 08/10/2024; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 105901338.24 ngày 08/10/2024, Ngân hàng TMCP Q yêu cầu ông Cao Trần Nhân Đ phải thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là: 981.055.564 đồng (*Chín trăm tám mươi một triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm sáu mươi bốn đồng*), trong đó: Nợ gốc: 937.498.000 đồng, nợ lãi: 26.186.431 đồng, nợ lãi quá hạn: 17.371.133 đồng, các bên thỏa thuận theo đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Đối với thẻ tín dụng, loại thẻ: V1 ký ngày 05/11/2024 với hạn mức thẻ là 30.000.000đ, Ngân hàng TMCP Q yêu cầu ông Cao Trần Nhân Đ phải thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 nợ gốc là 28.708.000 đồng, nợ lãi trong

hạn là 4.344.331 đồng, các bên thỏa thuận theo đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Đối với, yêu cầu phí chậm thanh toán là 8.038.240 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, tại đề nghị phát hành thẻ, loại thẻ: V1 ký ngày 05/11/2024, các bên thỏa thuận áp dụng lãi trong hạn và phí phạt chậm trả đối với khoản nợ gốc là vi phạm quy định khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “*Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn*”. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phí phạt chậm trả.

Ông Cao Trần Nhân Đ còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc, nợ lãi chậm trả trên phí theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01.10.2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả VIB theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số: 105783141.24 ngày 08/10/2024; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 105901338.24 ngày 08/10/2024 và Đề nghị phát hành thẻ, loại thẻ: V1 ký ngày 05/11/2024.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của nguyên đơn thì thấy: Để đảm bảo cho toàn bộ khoản nợ vay nói trên, ông Cao Trần Nhân Đ đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình là: Xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: Fortuner, biển kiểm soát: 43A-911.10, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 43 018594 do Phòng C Công an thành phố Đ cấp ngày 03/10/2024. Nếu ông Cao Trần Nhân Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã phân tích ở trên thì tài sản thế chấp sẽ bị phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ đúng pháp luật. Nên HĐXX chấp nhận quan điểm phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên án phí ông Cao Trần Nhân Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn phải chịu một phần án phí do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với phí phạt chậm trả nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Số tiền 2.000.000 đồng, ông Cao Trần Nhân Đ phải chịu nhưng Ngân hàng TMCP Q đã nộp tạm ứng và đã chi, ông Cao Trần Nhân Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 299, 322, 466, 468 của Bộ luật dân sự

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 5 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N: Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng

Căn cứ vào Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Q đối với bị đơn ông Cao Trần Nhân Đ về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Cao Trần Nhân Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q theo Hợp đồng tín dụng số: 105783141.24 ngày 08/10/2024 và Thẻ tín dụng, loại thẻ: V1 ký ngày 05/11/2024 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 30.9.2025 là: **1.014.107.895 đồng** (*Một tỷ, không trăm mười bốn triệu, một trăm lẻ bảy nghìn, tám trăm chín mươi lăm đồng*), cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số: 105783141.24 ngày 08/10/2024; tổng số tiền nợ (tạm tính đến ngày 30.9.2025) là 981.055.564 đồng (*Chín trăm tám mươi một triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm sáu mươi bốn đồng*), trong đó: Nợ gốc: 937.498.000 đồng, nợ lãi: 26.186.431 đồng, nợ lãi quá hạn: 17.371.133 đồng.

- Thẻ tín dụng, loại thẻ: V1 ký ngày 05/11/2024 tổng số tiền nợ là 33.052.331 đồng (*Ba mươi ba triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm ba mươi một đồng*); Trong đó, Nợ gốc: 28.708.000 đồng, Nợ lãi: 4.344.331 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với phí phạt chậm trả số tiền 8.038.240 đồng tại Thẻ tín dụng, loại thẻ: V1 ký ngày 05/11/2024 của Ngân hàng TMCP Q và ông Cao Trần Nhân Đ.

3. Nếu ông Cao Trần Nhân Đ không trả được nợ thì tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Cao Trần Nhân Đ sẽ bị phát mãi để thu hồi nợ, cụ thể là: Xe ô tô nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: Fortuner, biển kiểm soát: 43A-911.10, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 43 018594 do

Phòng C Công an thành phố Đ cấp ngày 03/10/2024 sẽ bị phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp ông Cao Trần Nhân Đ trả xong số nợ nói trên thì Ngân hàng TMCP Q phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Cao Trần Nhân Đ các giấy tờ về tài sản thế chấp và yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xoá đăng ký.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: 42.423.236 đồng (*Bốn mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng*) ông Cao Trần Nhân Đ phải chịu.

4.2 Án phí dân sự sơ thẩm: 401.912 đồng (*Bốn trăm lẻ một nghìn, chín trăm mười hai đồng*) đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, Ngân hàng TMCP Q phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP Q đã tạm ứng án phí DS-ST đã nộp theo biên lai thu số số 0001195 ngày 28/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 20.493.509 đồng.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Số tiền 2.000.000 đồng, ông Cao Trần Nhân Đ phải chịu nhưng Ngân hàng TMCP Q đã nộp tạm ứng và đã chi, ông Cao Trần Nhân Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

6. Kể từ ngày 01.10.2025 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi trên số nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 105783141.24 ngày 08/10/2024 và Thẻ tín dụng, loại thẻ: V1 ký ngày 05/11/2024.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND Khu vực 3 – Đà Nẵng;
- THADS Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

